



Original Article

Interpersonal Problems of High School Students

Nguyen Thi My Linh^{1,*}, Nguyen Cong Khanh²

¹*Graduate Academy of Social Sciences, 477 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

²*Hanoi National University of Education, 136 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 28 August 2021

Revised 04 May 2023; Accepted 04 May 2023

Abstract: The article presents the current situation of problems faced by high school students in interpersonal relationships. The research sample includes 790 students in grades 10, 11 and 12 at 6 high schools in Hanoi. Research results show that 17.1% of surveyed students rated themselves as having many problems (difficulty) in interpersonal relationships. The most interpersonal problems that students face are related to the lack of social skills, cooperation in teamwork and adaptation to new (changing) social environments. Students often have problems with their parents, rarely have problems with teachers (from 17.7% -24.1% of students often have problems with their parents and only 10.8% of students often have problems with teachers). The survey results also found a number of factors that significantly affect the expression level of interpersonal problems of students. This result contributes to providing useful information in early recognition of problems in interpersonal relationships, and as a reliable database when developing educational solutions to improve students' problem solving capacity in the interpersonal interactions.

Keywords: Problem, interpersonal problem, high school student, high school.

* Corresponding author.

E-mail address: milytrann@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4574>

Những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông

Nguyễn Thị Mỹ Linh^{1,*}, Nguyễn Công Khanh²

¹Học viện Khoa học Xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 8 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 5 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 04 tháng 5 năm 2023

Tóm tắt: Bài báo trình bày thực trạng những vấn đề mà học sinh trung học phổ thông gặp phải trong các mối quan hệ liên cá nhân. Mẫu nghiên cứu gồm 794 học sinh các khối lớp 10, lớp 11 và lớp 12 tại 6 trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 17,1% các em học sinh được khảo sát tự đánh giá mình gặp nhiều vấn đề (khó khăn) trong các mối quan hệ liên cá nhân. Những vấn đề liên cá nhân học sinh gặp nhiều nhất liên quan đến thiếu hụt kỹ năng xã hội, hợp tác làm việc nhóm và thích ứng với môi trường xã hội mới lạ (thay đổi). Học sinh hay gặp vấn đề với cha mẹ, ít gặp vấn đề với thầy cô (có từ 17,7% -24,1% học sinh hay gặp vấn đề với cha mẹ và chỉ 10,8% học sinh hay gặp vấn đề với thầy cô). Kết quả khảo sát thực trạng cũng tìm ra một số yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến mức độ biểu hiện những vấn đề liên cá nhân của học sinh. Kết quả này góp phần cung cấp thông tin hữu ích trong việc nhận biết sớm những vấn đề trong các quan hệ liên cá nhân, đồng thời là cơ sở dữ liệu đáng tin cậy khi phát triển các biện pháp giáo dục nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong các tương tác liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông.

Từ khóa: Vấn đề, vấn đề liên cá nhân, học sinh trung học phổ thông, trường trung học phổ thông.

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “Vấn đề” được hiểu như là tình huống khó xử trong cuộc sống thường ngày (đó là những khó khăn trong cuộc sống của một cá nhân mà chúng làm cho cá nhân đó cảm thấy phiền toái rất nhiều). Những vấn đề trong đời sống thực của mỗi người, được phạm trù hóa thành vấn đề cá nhân và vấn đề liên cá nhân [1, 2]. Theo Kleptsova và Balabanov (2016), mối quan hệ liên cá nhân là mối quan hệ qua lại giữa hai hoặc nhiều người, tạm thời hoặc lâu dài, trong đó các cá nhân phụ thuộc lẫn nhau và cùng nhau chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ, tiến hành các hoạt động chung và phát triển mối quan hệ tình cảm. Những vấn đề trong các hoạt động tương tác liên cá nhân, mỗi người có thể gặp phải được nhận diện như là tình huống khó xử trong cuộc sống thường ngày, gây ra nhiều sự phiền toái. Đó là tình huống mà ở đó chưa có

sẵn/chưa xuất hiện các giải pháp ứng phó hiệu quả hoặc cách thức giải quyết phù hợp [2-5]. Như vậy, vấn đề liên cá nhân thực chất là những khó khăn giữa các cá nhân với nhau. Trong khi đó, vấn đề cá nhân là những khó khăn diễn ra ở chính cá nhân đó (như vấn đề lo lắng về ngoại hình/béo phì, lo lắng về thành tích học tập kém, sợ học hay chán học,...).

Những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông được hiểu là những khó khăn trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô, cha mẹ và những người khác. Những khó khăn này trở thành vấn đề khi chúng gây phiền hà rất nhiều cho một học sinh trung học phổ thông nhưng chính học sinh đó ngay lập tức lại không biết cách giải quyết hoặc làm thế nào để thoát khỏi các khó khăn đó. Đối với học sinh trung học phổ thông, các quan hệ liên cá nhân gồm quan hệ bạn bè, thầy/cô, cha mẹ và những người lớn khác giữ một vị trí quan trọng trong việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách [2, 3]. Các nhà nghiên cứu tin rằng lứa tuổi này là giai đoạn liên quan nhiều nhất đến việc phát triển và cải thiện các kỹ năng quan hệ

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: milytrann@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4574>

liên cá nhân [3, 4]. Mỗi quan hệ liên cá nhân quan trọng đối với học sinh trung học phổ thông, vì chúng có chức năng như là môi trường tương tác văn hóa xã hội giúp các em trải nghiệm phát triển khả năng thích ứng, giao tiếp hiệu quả với bạn bè, giáo viên, cha mẹ và người lớn khác. Thông qua những trải nghiệm tương tác liên cá nhân phong phú, hiệu quả giúp các em dần tích lũy vốn sống, vốn kinh nghiệm xã hội, đồng thời giúp các em học cách điều chỉnh các hành vi, cảm xúc của mình sao cho phù hợp với từng tình huống, bối cảnh xã hội để phát triển toàn diện nhân cách [2-5].

Theo Korem và cộng sự (2012), khả năng phát triển các mối quan hệ liên cá nhân của các em đã có được từ giai đoạn lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và ngày càng được củng cố, đặc biệt phát triển rất mạnh ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông [6]. Các nghiên cứu cho thấy ở lứa tuổi này, mối quan hệ giữa các em với cha mẹ có sự thay đổi đáng kể, các em thường dành nhiều thời gian cho bạn bè cùng trang lứa hơn là với cha mẹ [2, 7, 8]. Các em cũng hay có những bất đồng với cha mẹ [2, 8]. Đối với học sinh trung học phổ thông, quan hệ bạn bè vừa là môi trường tương tác, hỗ trợ phát triển các kỹ năng xã hội, vừa là nơi để các em tâm tình, chia sẻ những suy nghĩ, xúc cảm và bày tỏ các mối quan tâm. Các nghiên cứu cho thấy, tình bạn là mối quan hệ quan trọng hàng đầu đối với học sinh trung học phổ thông và hành vi của các em bị chi phối hay ảnh hưởng đáng kể từ các tương tác với bạn bè đồng trang lứa [9, 10]. Nghiên cứu của Okada, Suzue và Jitsunari (2010) chỉ ra rằng học sinh trung học hay gặp những vấn đề liên cá nhân như: i) Rắc

rối với bạn bè; ii) Bị bạn cùng lớp bắt nạt; iii) Không có bạn trai/bạn gái; iv) Thích bạn khác giới mà không được đáp lại; v) Đang có bất đồng/xung đột với cha mẹ về quyết định nghề nghiệp [9, 10]. Nghiên cứu của Kathryn (2011) cho thấy những học sinh nào thường gặp những vấn đề trong các quan hệ tương tác liên cá nhân dễ có nguy cơ gặp thất bại học đường [12].

Mục đích của bài viết này là nhận diện, phát hiện, mô tả bức tranh thực trạng, khái quát hóa, phân loại về những vấn đề của học sinh trung học phổ thông đã và đang gặp phải trong các mối quan hệ liên cá nhân (quan hệ ứng xử của học sinh với nhóm bạn, thầy/cô, cha mẹ và những người lớn khác), đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng, phát hiện sự khác biệt, đưa ra những khuyến cáo, cảnh báo,... thực sự hữu ích cho các giáo viên, cha mẹ và các nhà quản lý giáo dục có thể làm gì để cải thiện, tạo dựng một môi trường tương tác liên cá nhân tốt hơn ở bậc giáo dục trung học phổ thông.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp, mẫu khảo sát

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để khảo sát thực trạng những vấn đề của học sinh trung học phổ thông. Mẫu khảo sát thực trạng được chọn ngẫu nhiên, gồm 794 học sinh của 6 trường trung học phổ thông thuộc các quận (nội thành) và các huyện (ngoại thành) thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. Khách thể được chọn tham gia khảo sát là học sinh khối lớp 10, lớp 11 và lớp 12. Sự phân bố mẫu khảo sát được trình bày cụ thể ở Bảng 1.

Bảng 1. Phân bố chọn mẫu khảo sát thực trạng

Trường	Mẫu	Giới tính		Khối lớp		
		Nam	Nữ	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Trung học phổ thông (N.T.T)	174	109	65	43	89	42
Trung học phổ thông (L.T.K)	133	71	62	40	47	46
Trung học phổ thông (M.L)	126	50	76	38	42	46
Trung học phổ thông (H.Đ-A)	129	74	55	48	43	38
Trung học phổ thông (Y.H)	121	24	97	36	48	37
Trung học phổ thông (P.Đ.P)	111	38	73	37	27	47
Tổng	794	366	428	242	296	256

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy có 366/794 (chiếm 46,1%) là học sinh nam và 428/794 (chiếm 53,9%) là học sinh nữ. Tỷ lệ học sinh lớp 10 là 242/794 (chiếm 30,48%), học sinh lớp 11 là 296/794 (chiếm 37,28%), học sinh lớp 12 là 256/794 (chiếm 32,24%).

2.2. Công cụ khảo sát

Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận định lượng để điều tra khảo sát, cụ thể sử dụng thang tự đánh giá kiểu Likert 5 mức độ do các tác giả Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Thị Mỹ Linh (2019) thiết kế dành cho các đối tượng học sinh (từ lớp 10 đến lớp 12), bao gồm 24 items mô tả những vấn đề trong mối quan hệ liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông (gọi tắt là thang đo vấn đề liên cá nhân). Mỗi items của thang đo này được đánh giá theo thang điểm 5 mức (1 = Hoàn toàn không đúng, hoặc chưa bao giờ; 2 = Hiếm khi đúng; 3 = Đôi khi đúng, thỉnh thoảng đúng; 4 = Thường xuyên đúng; 5 = Rất thường xuyên đúng/hoàn toàn đúng) [13].

Cách đánh giá

Tính điểm của thang đo bằng tổng điểm của các mục (items). Những học sinh có điểm số trên thang đo vấn đề liên cá nhân cao hơn điểm trung bình (M) của mẫu khảo sát, từ 1 độ lệch chuẩn (SD) trở lên được xem là những học sinh đang gặp những khó khăn trong các quan hệ liên cá nhân. Ngược lại, những học sinh có điểm số trên thang đo vấn đề liên cá nhân thấp hơn điểm trung bình của mẫu khảo sát, từ 1 độ lệch chuẩn (SD) trở lên được xem là những học sinh chưa thực sự có khó khăn trong các quan hệ liên cá nhân và dường như các khó khăn này đều được các em giải quyết ổn thỏa. Những học sinh có điểm nằm trong khoảng ± 1 SD được xem là ít có khó khăn. Quy ước này dựa trên sự khác biệt điểm trung bình một độ lệch chuẩn (± 1 SD) giữa các nhóm, có ý nghĩa về mặt thống kê.

Đánh giá độ tin cậy của công cụ

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo vấn đề liên cá nhân, chúng tôi dùng phương pháp đánh giá độ phù hợp của từng item, sử dụng mô hình tương quan trong của Cronbach (Cronbach's Coefficient alpha). Số liệu xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 cho thấy, mức độ tin cậy tính theo hệ số Cronbach Alpha trên mẫu

794 HS lớp 10, lớp 11 và lớp 12 ở từng items nói riêng ($> 0,30$) và trên thang đo tổng đạt mức độ khá cao (Hệ số $\alpha = 0,84$).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả nghiên cứu thực trạng những vấn đề trong mối quan hệ liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông

3.1.1. Kết quả đánh giá từng vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông

Để đánh giá biểu hiện cụ thể phản ánh thực trạng từng vấn đề của học sinh trung học phổ thông, chúng tôi tiến hành phân tích từng item của thang đo vấn đề liên cá nhân. Kết quả được trình bày cụ thể, chi tiết ở Bảng 2.

Số liệu tại Bảng 2 cho thấy, vấn đề lớn nhất mà học sinh trung học phổ thông gặp phải đó là: *tôi có cảm giác cô đơn, không có ai quan tâm đến mình* (số 4) đứng ở thứ bậc đầu tiên. Những vấn đề tiếp theo (thứ 2, 3, 4, và 6) là những khó khăn về thích ứng xã hội khi các em gặp phải những tình huống khó xử chưa từng gặp, những vấn đề xã hội mới/ giao tiếp với người lạ (số 13, 14, 16 và 17). Sau đó là khó khăn trong các tương tác nhóm (thứ 5).

Đó là: *Tôi thích học/làm việc một mình và ngại học/làm việc theo nhóm* (số 7). Xếp ở thứ bậc tiếp theo (thứ 8) phải kể đến những khó khăn trong mối quan hệ tương tác với cha mẹ trong gia đình (*Khi bị bố mẹ trách mắng, tôi khó kiềm chế, dễ cau có, giận dữ* (số 22)). Các em thường khó kiềm chế khi bị cha mẹ mắng, trách phạt. Một số em được tham gia phỏng vấn trả lời rằng các em bị mắng, trách phạt do không làm những việc nhà mà bố mẹ giao cho, một số em bị mắng do mãi chơi lơ là việc học tập. Ngoài ra, trong một số trường hợp các em cho rằng mình đã bị bố mẹ mắng oan khi những lỗi lầm đó là do em hoặc anh/chị mình làm.

Kết quả trên mẫu khảo sát này cũng tiết lộ rằng, các em học sinh lứa tuổi này dường như ít gặp vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè, thầy/cô. Những items đứng ở cuối, có thứ bậc áp chót (*Tôi cảm thấy khó kết bạn và có rất ít bạn trong lớp/trường* (số 6); *Tôi khó giữ quan hệ hòa thuận với bạn bè và ít quan tâm đến những gì xảy ra với họ* (số 9).

Bảng 2. Những vấn đề trong mối quan hệ liên cá nhân của học sinh bậc trung học phổ thông

Số thứ tự	Các items của thang đo	Mức độ					Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
		Hoàn toàn không đúng	Hiếm khi đúng	Thi thoảng đúng	Thường xuyên đúng	Rất thường xuyên đúng			
1	Tôi chỉ quan tâm đến vấn đề riêng của mình mà ít để ý đến những vấn đề của người khác	21,2	37,5	26,8	10,7	3,9	2,38	1,05	20
2	Tôi ngại nói ra ý kiến riêng trong các tình huống thảo luận nhóm	17,9	25,2	33,6	15,2	8,1	2,70	1,17	9
3	Tôi thụ động, thiếu tự tin trong các giao tiếp xã hội	19,9	28,0	28,2	15,1	8,8	2,65	1,21	10
4	Tôi hay có cảm giác cô đơn, không có ai quan tâm đến mình	11,2	21,7	28,1	19,6	19,4	3,15	1,27	1
5	Tôi dành nhiều thời gian rỗi chơi game hơn là tham gia các trải nghiệm xã hội cùng bạn bè	23,2	27,0	28,6	14,9	6,4	2,54	1,18	14
6	Tôi cảm thấy khó kết bạn và có rất ít bạn trong lớp/trường	35,8	27,6	20,5	11,6	4,5	2,21	1,18	21
7	Tôi thích học/làm việc một mình và ngại học/làm việc theo nhóm	17,9	20,9	32,1	17,0	12,1	2,85	1,25	5
8	Tôi có cảm giác mình khó chia sẻ những tình cảm với nhóm bạn	24,3	25,6	26,6	14,5	9,1	2,58	1,25	12
9	Tôi khó giữ quan hệ hòa thuận với bạn bè và ít quan tâm đến những gì xảy ra với họ	31,9	33,4	22,7	7,7	4,4	2,19	1,10	22
10	Trong giao tiếp với bạn bè, người thân, khi không hài lòng, tôi buồn chán hoặc bực bội khá lâu	18,1	34,4	28,2	14,0	5,3	2,54	1,10	15
11	Tôi dễ cáu gắt, khi người khác không đáp lại mong muốn của mình	13,9	33,8	34,5	12,0	5,9	2,63	1,06	11
12	Tôi hay bị giáo viên trách phạt và nhiều lúc phản ứng tiêu cực khi bị trách phạt	38,8	33,8	16,6	7,3	3,5	2,03	1,08	24

13	Tôi lo sợ khi phải giải quyết một vấn đề mới, tình huống khó xử chưa từng gặp	10,3	21,2	39,0	20,9	8,6	2,95	1,09	2
14	Tôi hay mất tự tin khi nói chuyện với người lạ	13,0	23,2	33,0	18,1	12,7	2,94	1,20	3
15	Trong các tình huống giao tiếp, không hài lòng hoặc bức bối với ai, tôi dễ nổi nóng	18,5	33,5	31,5	11,8	4,7	2,51	1,07	16
16	Tôi thường lúng túng khi phải đối mặt với vấn đề xã hội mới/lạ	8,7	24,4	42,7	19,1	5,0	2,88	0,99	4
17	Tôi e ngại, dè dặt khi trò chuyện với người chưa quen biết	14,6	27,0	31,6	18,5	8,3	2,79	1,16	6
18	Tôi bế tắc khi phải suy nghĩ về những giải pháp khác nhau để giải quyết vấn đề trong quan hệ xã hội	10,2	28,7	40,1	15,1	5,9	2,78	1,02	7
19	Gặp vấn đề trong quan hệ bạn bè, tôi không biết đâu là giải pháp tốt nhất	17,5	33,9	32,5	12,3	3,8	2,51	1,04	17
20	Trong các quan hệ xã hội, gặp vấn đề phải giải quyết, tôi trì hoãn, né tránh	29,3	36,1	25,1	5,5	3,9	2,18	1,04	23
21	Tôi dễ oán trách, hay “cãi lý” với cha mẹ khi xảy ra xung đột/bất đồng	22,4	24,9	35,0	14,0	3,7	2,51	1,10	18
22	Khi bị bỏ mặc trách mắng, tôi khó kiềm chế, dễ cau có, giận dữ	15,0	23,4	37,5	19,8	4,3	2,75	1,07	8
23	Khi bất đồng/mâu thuẫn với người lớn tuổi, tôi dễ bức tức và cố tranh cãi	21,9	28,5	36,3	10,3	3,0	2,44	1,04	19
24	Gặp vấn đề với người lớn, tôi hay phản ứng tiêu cực làm họ tức giận	15,7	32,0	34,8	14,7	2,8	2,56	1,01	13

Đúng cuối cùng là item: *tôi hay bị giáo viên trách phạt và nhiều lúc phản ứng tiêu cực khi bị trách phạt* (số 12). Điều này chứng tỏ các em đã có những sự hài lòng nhất định với thầy/cô của mình cũng như không thường xuyên bị cô phê bình, trách phạt trước lớp. Đây được coi là những tín hiệu tích cực vì nó phần nào minh chứng cho giáo dục trung học phổ thông của Hà Nội đang đi đúng hướng, giáo viên có những tác động tích cực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh.

3.1.2. Kết quả đánh giá thực trạng chung về những vấn đề liên cá nhân của học sinh

Từ kết quả xử lý phân tích số liệu khảo sát định lượng theo điểm số em tự đánh giá theo 5 mức độ, Bảng 3 khái quát bức tranh thực trạng chung về những vấn đề liên cá nhân của học sinh theo từng khối lớp và từng trường trung học phổ thông tham gia khảo sát phân loại thành 3 nhóm điểm: thấp, trung bình, cao (cách tính điểm để phân loại đã nói đến ở phần

trên). Những em có điểm nhỏ hơn điểm trung bình một độ lệch chuẩn, được xem là những học sinh không có khó khăn trong quan hệ liên cá nhân. Ngược lại, những em có điểm lớn hơn điểm trung bình một độ lệch chuẩn, được xem

là những học sinh đang có nhiều khó khăn trong quan hệ liên cá nhân. Số học sinh còn lại thuộc nhóm ít có khó khăn. Kết quả được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Phân loại học sinh trung học phổ thông theo ba nhóm (không có khó khăn, ít có khó khăn và có nhiều khó khăn trong các quan hệ liên cá nhân)

Thang đo	Điểm Trung bình	Độ lệch	Trường/Khối lớp (mẫu)	Nhóm học sinh không có khó khăn	Nhóm học sinh có ít khó khăn	Nhóm học sinh có nhiều khó khăn
Vấn đề liên cá nhân	62,14	12,25	Trung học phổ thông (N.T.T) (N = 173)	≤ 50 15,0%	51-73 63,6%	≥ 74 21,4%
			Trung học phổ thông (L.T.K) (N = 131)	≤ 50 25,2%	51-73 66,4%	≥ 74 8,4%
			Trung học phổ thông (M.L) (N = 126)	≤ 50 16,7%	51-73 65,8%	≥ 74 17,5%
			Trung học phổ thông (H.Đ-A) (N = 129)	≤ 50 15,5%	51-73 59,7%	≥ 74 24,8%
			Trung học phổ thông (Y.H) (N = 120)	≤ 50 17,5%	51-73 65,8%	≥ 74 16,7%
			Trung học phổ thông (P.Đ.P) (N = 109)	≤ 50 19,3%	51-73 68,8%	≥ 74 11,9%
			Học sinh lớp 10 (N = 241)	≤ 50 18,7%	51-73 65,5%	≥ 74 15,8%
			Học sinh lớp 11 (N = 294)	≤ 50 17,0%	51-73 59,9%	≥ 74 23,1%
			Học sinh lớp 12 (N = 253)	≤ 50 18,6%	51-73 69,9%	≥ 74 11,5%
TỔNG (N = 788)				≤ 50 18,0%	51-73 64,9%	≥ 74 17,1%

Kết quả đánh giá khái quát bức tranh thực trạng chung về những vấn đề liên cá nhân của học sinh ở Bảng 3 cho thấy, có khoảng 17,1% học sinh tự đánh giá ở mức có nhiều khó khăn - tức là nhóm học sinh này đã và đang gặp nhiều vấn đề trong quan hệ liên cá nhân, so với các bạn đồng lứa, tỉ lệ nhóm này có sự khác biệt

giữa các trường, biên độ dao động từ 8,4% đến 24,8%. Trong khi đó, có khoảng 18% học sinh tự đánh giá ở mức không có khó khăn - tức là những em này dường như không gặp vấn đề trong quan hệ liên cá nhân, so với các bạn đồng lứa, tỉ lệ này cũng có sự khác biệt giữa các trường, biên độ dao động từ 15% đến 25,2%,

trong đó trường L. T. K chiếm tỷ lệ cao nhất, tỉ lệ thấp nhất là trường N. T. T. Đa số học sinh (khoảng 65%) tự đánh giá ở mức ít có khó khăn - tức là nhóm học sinh này ít gặp các vấn đề trong quan hệ liên cá nhân, tỉ lệ nhóm này có sự khác biệt giữa các trường, biên độ dao động từ 59,7% đến 69,9%.

Kết quả đánh giá khái quát bức tranh thực trạng chung về những vấn đề liên cá nhân của học sinh ở Bảng 3 cũng cho thấy, nhóm học sinh khối lớp 11 có điểm tự đánh giá ở mức có nhiều khó khăn chiếm tỉ lệ cao nhất (trên 23%) - tức là nhóm học sinh này đã và đang gặp nhiều vấn đề nhất trong các quan hệ liên cá nhân. Trong khi đó, nhóm học sinh khối lớp 12 có điểm tự đánh giá ở mức có nhiều khó khăn chiếm tỉ lệ thấp nhất (11,5%) - tức là tỉ lệ học sinh khối lớp 12 đã và đang gặp nhiều vấn đề nhất trong các quan hệ liên cá nhân chỉ bằng 1/2 so với học sinh khối lớp 11.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến những vấn đề liên cá nhân của học sinh

Dựa trên các đặc điểm tâm lí học sinh trung học phổ thông và các yêu cầu, nhiệm vụ học tập, trải nghiệm giáo dục của học sinh khối lớp 10, lớp 11, và lớp 12 [2, 5], nghiên cứu này tập

trung xem xét một số yếu tố có thể ảnh hưởng đáng kể đến những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông, gồm: môi trường giáo dục (theo đơn vị trường); độ tuổi (theo khối lớp 10, lớp 11 và lớp 12), khu vực địa lí (quận nội thành/huyện ngoại thành Hà Nội) và giới tính (nam, nữ). Để xác định xem liệu những yếu tố này có ảnh hưởng như thế nào, có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể về điểm số trung bình trên thang đo vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội, nhóm tác giả sử dụng kiểm định ANOVA và T-test để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng này như các phân tích dưới đây.

3.2.1. Yếu tố môi trường giáo dục

Để đánh giá liệu có sự khác biệt dựa trên điểm số của thang đo vấn đề liên cá nhân của học sinh theo môi trường giáo dục đặc thù của từng trường trung học phổ thông (giả thiết môi trường giáo dục của các trường này có sự khác nhau), kiểm định ANOVA đã được sử dụng để so sánh điểm trung bình (điểm trung bình cộng của tổng điểm liên quan đến 24 vấn đề ở học sinh mỗi trường) trên thang đo vấn đề liên cá nhân của học sinh ở 6 trường trung học phổ thông thuộc mẫu khảo sát này tại địa bàn Hà Nội. Kết quả được thể hiện trong Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. So sánh sự khác biệt điểm trung bình về các vấn đề liên cá nhân của học sinh theo môi trường giáo dục đặc thù của các trường trung học phổ thông tại Hà Nội

Trường trung học phổ thông	Mẫu (N)	Các vấn đề liên cá nhân		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt (Sig)
Trung học phổ thông (N.T.T)	173	64,29	12,30	0,001
Trung học phổ thông (L.T.K)	131	59,01	11,91	
Trung học phổ thông (M.L)	126	61,77	11,66	
Trung học phổ thông (H.Đ-A)	129	64,69	13,03	
Trung học phổ thông (Y.H)	121	62,33	13,06	
Trung học phổ thông (P.Đ.P)	110	60,50	11,68	
Tổng	790	62,25	12,42	

Kết quả tại Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm số trung bình của học sinh ở ít nhất một trường so các trường trung học phổ thông còn lại ($p = 0,001$, và $p < 0,05$). Học sinh trường trung học phổ thông L. T. K có điểm

trung bình thấp nhất trên thang đo vấn đề liên cá nhân, khác biệt có ý nghĩa thống kê so với điểm trung bình của học sinh tại 3/5 trường khác trong mẫu khảo sát ($p < 0,05$). Điều này có nghĩa là học sinh trường L. T. K ít gặp các

vấn đề nhất. Trong khi đó, học sinh trường trung học phổ thông H. Đ. A có điểm trung bình cao nhất, khác biệt có ý nghĩa thống kê so với học sinh của 2/5 trường khác trong mẫu khảo sát ($p < 0,05$).

Điều này có nghĩa là học sinh trường H. Đ. A gặp nhiều các vấn đề nhất. Kết quả này ủng hộ giả thiết rằng môi trường giáo dục đặc thù của mỗi trường trung học phổ thông hiện là một yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến điểm số trên thang đo vấn đề liên cá nhân của học sinh.

Bảng 5. So sánh sự khác biệt điểm trung bình về các vấn đề liên cá nhân của học sinh các khối lớp

Học sinh trung học phổ thông	Mẫu (N)	Các vấn đề liên cá nhân		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt (Sig)
Khối lớp 10	242	62,15	12,79	0,012
Khối lớp 11	294	63,75	12,68	
Khối lớp 12	254	60,61	11,58	
Tổng	790	62,25	12,42	

Kết quả kiểm định ANOVA tại Bảng 5 cho thấy có sự khác biệt đáng kể về điểm số trung bình của học sinh một khối lớp so với hai khối lớp còn lại ($p = 0,012$, $p < 0,05$). Khi so sánh theo cặp thì điểm số trung bình của học sinh khối lớp 12 thấp đáng kể so với điểm số trung bình của học sinh khối lớp 11 ($p = 0,003$, $p < 0,05$). Điều này có nghĩa là học sinh khối lớp 12 có xu hướng ít gặp các vấn đề liên cá nhân nhất, có thể do các em đã trưởng thành hơn, có thể tự mình xử lý tốt hơn các vấn đề trong quan hệ liên cá nhân so với học sinh các khối lớp khác. Trong khi đó, học sinh khối lớp

3.2.2 Yếu tố độ tuổi (khối lớp)

Để tìm hiểu liệu có sự khác biệt dựa trên điểm số về năng lực nhận thức xã hội giữa các nhóm học sinh theo các khối lớp 10, lớp 11, lớp 12 (cũng là theo độ tuổi), kiểm định ANOVA đã được sử dụng để so sánh điểm trung bình (điểm trung bình cộng của tổng điểm liên quan đến 24 vấn đề ở học sinh từng khối) trên thang đo vấn đề liên cá nhân của 3 nhóm học sinh khối lớp 10, lớp 11 và 12 này. Kết quả được báo cáo trong Bảng 5 dưới đây.

11 gặp nhiều nhất các vấn đề liên cá nhân. Kết quả này phù hợp với thực tế.

3.2.3. Yếu tố khu vực

Để kiểm tra xem liệu có sự khác biệt dựa trên điểm số về các vấn đề liên cá nhân giữa hai nhóm học sinh (thuộc khu vực các quận nội thành và các huyện ngoại thành Hà Nội), chúng tôi sử dụng kiểm định T-Test để so sánh điểm trung bình (điểm trung bình cộng của tổng điểm liên quan đến 24 vấn đề ở học sinh từng khu vực) trên thang đo vấn đề liên cá nhân của hai nhóm học sinh này. Kết quả được thể hiện trong Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6. So sánh sự khác biệt điểm trung bình về các vấn đề liên cá nhân của học sinh thuộc các quận nội thành và các huyện ngoại thành Hà Nội

Ảnh hưởng của yếu tố khu vực	Mẫu (N)	Các vấn đề liên cá nhân		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt (Sig)
Học sinh các trường trung học phổ thông thuộc các quận nội thành	404	62,67	12,44	0,863
Học sinh các trường trung học phổ thông thuộc các huyện ngoại thành	386	61,81	12,41	

Kết quả phân tích T-Test trong Bảng 6 cho thấy, không có sự khác biệt về điểm trung bình trên thang đo vấn đề liên cá nhân của hai nhóm học sinh trung học phổ thông thuộc khu vực các quận nội thành và các huyện ngoại thành Hà Nội ($p = 0,863, p > 0,05$). Như vậy, trong nghiên cứu này, dường như yếu tố khu vực chưa có ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề liên cá nhân của lứa tuổi này.

3.2.4. Yếu tố giới tính

Để đánh giá liệu có sự khác biệt dựa trên điểm số về các vấn đề liên cá nhân theo giới tính giữa hai nhóm học sinh nam và nữ, nghiên cứu này sử dụng kiểm định T-Test để so sánh

điểm trung bình (điểm trung bình cộng của tổng điểm liên quan đến 24 vấn đề ở mỗi nhóm học sinh nam/nữ) trên thang đo vấn đề liên cá nhân của 2 nhóm này. Kết quả được thể hiện trong Bảng 7 dưới đây.

Kết quả phân tích T-Test ở Bảng 7 cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình trên thang đo vấn đề liên cá nhân giữa hai nhóm học sinh nam và nữ ($p = 0,568, p > 0,05$). Như vậy, dường như yếu tố giới tính cũng chưa có ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông.

Bảng 7. So sánh sự khác biệt điểm trung bình về các vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông theo giới tính

Ảnh hưởng của yếu tố giới tính	Mẫu (N)	Các vấn đề liên cá nhân		
		Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ khác biệt (Sig)
Học sinh trung học phổ thông (nam)	356	62,53	12,22	0,568
Học sinh trung học phổ thông (nữ)	434	62,02	12,59	

4. Kết luận và thảo luận

Kết quả khảo sát thực trạng những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông cho thấy, đa số các em tự đánh giá ít gặp vấn đề hoặc không gặp vấn đề trong các mối quan hệ liên cá nhân. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận đáng kể học sinh trung học phổ thông (khoảng 17%) gặp nhiều vấn đề trong các quan hệ liên cá nhân. Một số biểu hiện rõ nhất các vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông là: cảm giác cô đơn, không có ai quan tâm đến mình; lo sợ khi phải giải quyết một vấn đề mới, tình huống khó xử chưa từng gặp trong các quan hệ xã hội; hay mất tự tin khi nói chuyện với người lạ; thường lúng túng khi phải đối mặt với vấn đề xã hội mới/lạ; thích học/làm việc một mình và ngại học/làm việc theo nhóm; e ngại, dè dặt khi trò chuyện với người chưa quen biết. Các khó khăn này của các em đều liên quan đến kỹ năng xã hội, kỹ năng làm việc nhóm, và kỹ năng thích ứng với môi trường xã hội thay đổi. Đây là những phát hiện có giá trị,

cảnh báo các nhà trường trung học phổ thông cần phải tăng cường các chương trình giáo dục kỹ năng mềm cho các em. Kết quả này trên học sinh Việt Nam có sự tương thích với các nghiên cứu trước đó ở trong nước và của quốc tế [2, 7, 11].

Kết quả nghiên cứu cũng phát hiện yếu tố môi trường giáo dục đặc thù của từng trường trung học phổ thông có ảnh hưởng mạnh nhất có tính chi phối những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông. Yếu tố về khối lớp hay lứa tuổi cũng có ảnh hưởng đáng kể đến những vấn đề liên cá nhân của các em. Tuy nhiên trong nghiên cứu này, không phát hiện thấy yếu tố khu vực và giới tính có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ bộc lộ những vấn đề liên cá nhân của học sinh trung học phổ thông. Các nghiên cứu tiếp theo cần xem xét kỹ, kiểm định lại những phát hiện này. Đồng thời xem xét mối tương quan giữa kết quả học tập với những vấn đề liên cá nhân như liệu những học sinh gặp nhiều vấn đề trong các quan hệ liên cá nhân có thường gặp khó khăn trong các nhiệm vụ học tập hoặc có thành tích học tập hạn chế.

Từ kết quả nghiên cứu này gợi ý một số định hướng giáo dục cần được đặc biệt quan tâm như hỗ trợ tư vấn, chương trình ngoại khóa giúp học sinh trung học phổ thông phát triển các kỹ năng ứng phó, giải quyết vấn đề trong các tương tác liên cá nhân. Các trường trung học phổ thông lập ra các câu lạc bộ, tổ chức đa dạng các loại hình tư vấn, tọa đàm, chuyên đề ngoại khóa dạy kỹ năng ứng phó giải quyết vấn đề liên cá nhân. Thông qua các hoạt động tư vấn, tọa đàm, đối thoại, hoạt động trải nghiệm thực tế, có sự tham gia của phụ huynh, giáo viên. Các hoạt động này có chương trình thiết kế rõ ràng (mục đích, yêu cầu, nội dung, đánh giá hiệu quả) với các tình huống, bài tập tương tác nhóm, trò chơi ứng xử,... tất cả học sinh được thông báo trước, được yêu cầu chuẩn bị những gì, chủ động tham gia,... chẳng hạn, nói ra, viết ra (ba vấn đề khó xử, ba điều giá trị, ba nỗi khổ/lo sợ, ba thứ em ghét/em thích, ba điều em mong ước,... trong quan hệ với bạn bè, cha mẹ, thầy cô). Trong chương trình có ca nhạc, dân vũ (tôi hát, tôi nhảy, tôi múa, tôi trình diễn tấu hài... phải tạo nhiều nhất cơ hội cho các em được nói ra những vấn đề của mình, được bộc lộ, thể hiện, khám phá các khả năng của bản thân, được học hỏi (tôi hỏi?/bạn trả lời, hỏi xoáy/đáp xoáy,...) để rèn luyện kỹ năng ứng xử trong các quan hệ với bạn bè, cha mẹ, thầy cô.

Tài liệu tham khảo

- [1] E. Y. Kleptsova, A. A. Balabanov, Development of Humane Interpersonal Relationships, *International Journal of Environmental & Science Education*, Vol. 11, No. 4, 2016, pp. 2147-2157, <https://doi.org/10.12973/ijese.2016.585a>.
- [2] N. C. Khanh, *Adolescent Psychological Counseling*, University of Education Publishers, ISBN 978-604-54-2358-5, 2016.
- [3] N. C. Khanh, N. T. M. Linh, *Social Problem Solving Test for Adolescents*, LAMBERT Academic Publishing (Germany), ISBN 978-3-659-53390-7, 2019.
- [4] N. C. Khanh, N. T. M. Linh, Development of the Social Problem Solving Measure of Adolescents' Competences in Dealing with Interpersonal Problems, *HNUE Journal of Science, Educational Sciences*, Vol. 62, Iss. 12, 2017, pp. 12-24, <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0170>.
- [5] N. C. Khanh., T. M. L. Nguyen, Development and Psychometric Properties of a Social Problem Solving Test for Adolescents, *Journal of Rational-Emotive & Cognitive-Behavior Therapy*, Vol. 38, No. 1, 2020, pp. 76-95.
- [6] A. Korem, G. Horenczyk, M. Tatar, Inter-group and Intra-group Assertiveness: Adolescents' Social Skills Following Cultural Transition, *Journal of Adolescence*, Vol. 35, No. 4, 2012, pp. 855-862.
- [7] R. Kenny, B. Dooley, A. Fitzgerald, Interpersonal Relationships and Emotional Distress in Adolescence, *Journal of Adolescence*, Vol. 36, 2013, pp. 351-360.
- [8] J. W. Santrock, *Adolescence-fifteenth Edition*, New York: McGraw-Hill Education, 2014.
- [9] T. T. L. Thu, N. T. N. Ai, Psychological Health of Middle and High School Students in Hanoi, *HNUE Journal of Science, Educational Sciences*, Iss. 1, 2019, pp. 91-98.
- [10] K. Lubis, D. Daharnis, Y. Syukur, Interpersonal Relationships of Students in Junior High School, *International Journal of Research in Counseling and Education*, Vol. 3, No. 2, 2019, pp. 103-108.
- [11] M. Okada, T. Suzue, F. Jitsunari, Association between Interpersonal Relationship Among High-school Students and Mental Health, *Environmental Health and Preventive Medicine*, Vol. 15, 2010, pp. 57-62.
- [12] S. W. Kathryn, Understanding how Social and Emotional Skill Deficits Contribute to School Failure, *Preventing School Failure*, Vol. 55, No. 1, 2011, pp. 10-16.
- [13] T. M. L. Nguyen, C. K. Nguyen, N. H. Vu, T. H. Nguyen, Development and Initial Evaluation of an Interpersonal Problem Inventory for Adolescents, In the Report on the Survey, under the Topic of Doctoral Thesis on Social Intelligence of High School Students at the Academy of Social Sciences, Vietnam, 2020.